

Vài nét về

đời sống cư dân thời đại kim khí ở Phú Thọ

TH.S. MA THỊ QUỲNH HƯƠNG*

1- Thời đại kim khí là thuật ngữ để chỉ một giai đoạn phát triển tiếp sau thời đại đồ đá, được đánh dấu bằng sự xuất hiện hai kim loại, với hai giai đoạn phát triển chính: giai đoạn đồ đồng và giai đoạn đồ sắt.

Giai đoạn đồ đồng là thời kỳ chế tác và sử dụng các chế phẩm từ đồng. Nhưng trong thực tế, cư dân đương thời đã sử dụng hợp kim đồng và thiếc, còn được gọi là đồng thau. Khái niệm đồng thau ở đây mang nghĩa dân gian quen gọi hơn là thành phần hợp kim (đồng - thiếc hoặc đồng - thiếc - chì). Đôi khi khái niệm giai đoạn đồ đồng thau cũng được thay bằng khái niệm thời đại đồng thau.

Giai đoạn đồ sắt, để chỉ thời kỳ chế tác và sử dụng các chế phẩm từ sắt ở thời kỳ nguyên thủy. Thực tế việc sử dụng đồ sắt còn kéo dài cho đến ngày nay. Do vậy, giai đoạn này còn được tách làm hai: giai đoạn sắt sớm và giai đoạn sắt muộn. Đôi khi khái niệm giai đoạn sắt sớm cũng được thay bằng khái niệm sơ kỳ thời đại đồ sắt.

Trong bài viết này, chúng tôi dùng khái niệm thời đại đồng thau và sắt sớm để chỉ chung cho cả hai giai đoạn nói trên - giai đoạn con người chế tác và sử dụng các chế phẩm bằng đồng (có pha thiếc, chì...) và sắt (giai đoạn sớm). Xin được gọi tắt là đồng thau và sắt sớm. Và,

đây cũng là giai đoạn cơ bản của thời đại kim khí Việt Nam.

2- Phú Thọ là tỉnh trung du miền núi, một dạng hình chuyển tiếp từ miền núi xuống châu thổ Bắc bộ, nơi giao hội của các dòng sông lớn ở ngã ba Bạch Hạc Việt Trì. Phú Thọ có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Cho đến nay, ở Phú Thọ đã phát hiện hơn 50 di tích khảo cổ học thuộc thời đại đồ đồng thau và sắt sớm, một số di tích có địa tầng chuẩn, được nghiên cứu hết sức công phu và là nguồn tư liệu quan trọng cho việc xác định 4 giai đoạn phát triển của thời đại đồ đồng thau - sắt sớm ở lưu vực sông Hồng là Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun và Đông Sơn. Trong số đó, riêng ở Phú Thọ có hai di tích tiêu biểu mang tên hai nền văn hoá của thời tiền Đông Sơn là văn hoá Phùng Nguyên và văn hoá Gò Mun. Đây là một nguồn tư liệu quan trọng minh chứng cho sự ra đời sớm, tồn tại lâu dài và phát triển liên tục của quốc gia Văn Lang thời các vua Hùng trên vùng đất Tổ.

Tuy nhiên, nhận thức của chúng ta về con đường phát triển văn hoá thời xa xưa ở Phú Thọ còn nhiều vấn đề cụ thể chưa được giải quyết thoả đáng. Ở đây, chúng tôi muốn đi sâu vào tìm hiểu đời sống vật chất và tinh thần của cư dân thời đại kim khí ở Phú Thọ trong nền cảnh chung của lưu vực sông Hồng.

* TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI

3- Về đời sống kinh tế: trước hết, phải thừa nhận rằng, về cơ bản, sự phát triển kinh tế thời đại kim khí trên đất Phú Thọ cũng diễn ra theo nhịp điệu chung của toàn lưu vực sông Hồng, cả về môi trường sinh thái lẫn trình độ kỹ thuật. Nếu như ở giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên, Phú Thọ thật sự là điểm quy tụ đầu tiên về các thành tựu kỹ thuật của dân cư hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí ở Bắc Việt Nam, đồng thời lại có tầm quan hệ rất rộng, từ vùng núi Sơn La (Sập Việt, Nà Hin) đến vùng hải đảo Quảng Ninh (Bồ Chuyền), xuống ven biển Hải Phòng (Tràng Kênh) vào tận Thanh Hoá (Côn Chân Tiên), rồi Nghệ An (Đền Đồi). Đâu đâu, chúng ta cũng tìm thấy công cụ lao động, chủ yếu vẫn là những chiếc rìu/bôn đá hình tứ giác, những chiếc vòng tay mặt cắt ngang hình chữ nhật, những đồ gốm miết láng trang trí hoa văn khắc vạch chấm dải tạo các hình đối xứng trong các băng chạy quanh thân... Nhưng cái bao trùm lên tất cả chính là một nền nông nghiệp trồng lúa trên nền cảnh nhiệt đới gió mùa đã tạo ra sự thống nhất văn hoá cho cả một vùng rộng lớn, ít ra ở Bắc Việt Nam.

Thế nhưng, sau Phùng Nguyên, yếu tố văn hoá Đông Đậu trên bình diện chung, đã thu hẹp lại trong phạm vi lưu vực sông Hồng. Tại Phú Thọ lượng di tích giảm đi rõ rệt, chỉ còn vài địa điểm. Sự thu hẹp về diện tích phân bố không đồng nghĩa với sự suy thoái về kinh tế, mà trái lại, chính ở đây bước phát triển mới về kinh tế nông nghiệp trồng lúa và chăn nuôi gia súc cùng với luyện kim và chế tác đồ đồng đã ra đời. Trong giai đoạn văn hoá Đông Đậu ở Phú Thọ, cư dân vẫn sử dụng công cụ bằng đá, nhưng đã có những công cụ bằng đồng, với sự phân biệt khá rõ tính năng tác dụng mà các nhà khảo cổ học đã nhận ra ở các loại hình: rìu, giáo, lao, mũi tên, lưỡi câu... Chúng được sử dụng trong sản xuất, săn bắt và đánh cá. Sự xuất hiện công cụ đồng không chỉ mang lại năng suất lao động cao hơn mà còn kéo theo sự biến đổi mới trong việc sắp xếp lại lao động trong xã hội. Các hoạt động thủ công luyện kim và chế tác công cụ đồng bắt đầu trở thành hoạt động quan trọng của ngành kinh tế giai đoạn Đông Đậu.

Phải đến giai đoạn Gò Mun, thành tựu kinh tế sản xuất nông nghiệp và luyện kim mới được thể hiện đầy đủ trên đất Phú Thọ. Trước hết sự phát triển nhanh và tập trung cao (tới 50% di tích toàn lưu vực sông Hồng) về điểm cư trú ở vùng đất Phú Thọ. Cư dân nơi đây định cư ven sườn đồi, gò đất thấp, gần khu đất trũng. Có thể làm ruộng nước, cấy lúa, làm hoa màu là phương thức canh tác nông nghiệp thời này. Nếu như những hạt thóc đã được biết đến từ Phùng Nguyên (muộn) tới Đông Đậu thì đến giai đoạn Gò Mun, tại di chỉ Gò Mun người ta đã tìm thấy cả một hầm ngũ cốc (lúa) bị mục, gợi ý về sự dự trữ hay dự thừa lúa. Bộ công cụ lao động bằng đá và bằng đồng liên quan đến sản xuất nông nghiệp ở giai đoạn Gò Mun đã được tìm thấy, định hình hơn các giai đoạn trước. Không nghi ngờ khả năng trồng lúa của người Gò Mun ở Phú Thọ, ngoài lúa ở đây còn có phần của các loại rau quả như khoai lang, rau muống và cam.

Một hoạt động kinh tế quan trọng của người Gò Mun là chăn nuôi. Trong một số di chỉ này người ta đã tìm thấy xương, răng của một số động vật nuôi như trâu, bò, chó, lợn, gà... Dấu tích vật nuôi có mặt từ giai đoạn trước, song đến Gò Mun số lượng di cốt vật nuôi tăng lên rõ rệt, nhất là lợn.

Trung du Phú Thọ, trong khu vực cư trú của người thời đại kim khí có nhiều mảng rừng thưa, trong đó có nhiều cây trái, rau quả, chim muông, thú rừng. Trong vùng còn có lùm đằm hồ, ruộng trũng với nhiều tôm, cá, cua, ốc. Đây là những nguồn lợi tự nhiên mà cư dân cổ có thể thu hái, săn bắt bổ sung vào thực đơn các món ăn hàng ngày của mình. Người giai đoạn Đông Đậu, đặc biệt là giai đoạn Gò Mun đã sử dụng một số công cụ đồng vào việc săn bắt thú rừng hoặc đánh bắt cá như lao, giáo ngạnh, mũi tên, lưỡi câu... Trong săn bắt, người thời đại kim khí ở Phú Thọ còn sử dụng phương thức săn vây, săn đuổi tập thể, có sự trợ giúp của chó. Cảnh săn bắt động vật được thể hiện khá sinh động bằng hình khắc trên lưỡi rìu đồng văn hoá Đông Sơn tìm thấy ở làng Cả, Gò De, Môn Dền...

Cùng với trồng lúa và chăn nuôi, cư dân thời



Hiện vật tại hố khai quật di tích làng Cả (Phú Thọ - 2006) - Ảnh: T.S

đại kim khí ở Phú Thọ đặc biệt chú trọng đến hoạt động thủ công là gốm, đúc đồng và chế tác đồ đá. Bước vào thời đại kim khí, hầu như ở nước ta không thấy các trung tâm làm gốm độc lập như: Đa Bút, Quỳnh Văn, Cái Bèo ở giai đoạn đá mới sau Hoà Bình nữa. Hình như ở Phú Thọ, từ Phùng Nguyên đến Gò Mun, mỗi nhóm dân cư tự sản xuất lấy đồ gốm phục vụ cho mình. Dựa vào dấu ấn văn hoá của các nhóm tộc người trên đồ gốm mà chúng ta mới có thể nhận ra gốm nào đặc trưng cho giai đoạn văn hoá nào, dù các văn hoá ấy tồn tại trong một địa bàn, chồng xếp lên nhau theo địa tầng. Dưới góc độ kinh tế, hoạt động làm gốm có ý nghĩa tự cung tự cấp là chính. Tuy nhiên, vẫn có gốm đưa ra thị trường trao đổi. Vì vậy, chúng ta mới thấy gốm của từng giai đoạn có sự ổn định riêng về chất liệu, loại hình, hoa văn trang trí dù chúng có mặt ở một địa bàn rộng từ trung du xuống đồng bằng Bắc Bộ, thậm chí vượt lên một số nơi của miền núi phía Bắc.

Hoạt động chế tác đá về cơ bản là làm tại nơi cư trú, song cũng xuất hiện một số công xưởng chuyên môn hoá ở những mức độ khác

nhau. Trên đất Phú Thọ có khu chế tác đá Tam Nông, gồm nhiều địa điểm, tiêu biểu là công xưởng Gò Chon, với số lượng lớn đá nguyên liệu, mảnh tước, phác vật công cụ, vòng trang sức... có niên đại từ cuối Phùng Nguyên đến tận Gò Mun. Có khả năng đây là một trung tâm chế tác đồ đá (chủ yếu là rìu tứ giác) thời đại kim khí, đã cung cấp sản phẩm cho toàn bộ vùng trung du, một phần châu thổ Bắc Bộ. Dấu vai trò của công xưởng làm đá này ngày càng yếu đi, nhường chỗ cho hoạt động luyện kim và đúc đồng, song không vì thế mà chúng ta không đánh giá cao về hoạt động kinh tế mang tính cộng đồng này của dân cư cổ ở Phú Thọ.

Về hoạt động luyện kim đúc đồng ở Phú Thọ, phải tới giai đoạn Gò Mun mới có thể xem là một hoạt động thủ công đích thực. Nghề thủ công ở giai đoạn này thể hiện ở các khâu sau: việc pha chế các nguyên liệu đồng - thiếc khá ổn định; các sản phẩm đúc phong phú về chủng loại; một số loại hình công cụ, vũ khí hoặc đồ dùng sinh hoạt bằng đồng mang dấu ấn riêng của Gò Mun như liềm đồng, mũi lao hình lá, rìu lưỡi xéo. Đương nhiên, hoạt động

thủ công mang tính chuyên biệt, đỉnh cao phải sang giai đoạn văn hoá Đông Sơn, với kỹ thuật pha chế tỷ lệ đồng - thiếc - chì ổn định cho từng loại sản phẩm; loại hình di vật phong phú và đa dạng, kích thước lớn, vừa mang tính thực dụng, vừa mang tính thẩm mỹ, mỹ thuật cao như trống và thạp đồng, mang tính chỉ định cho cả một vùng rộng lớn ở Bắc Việt Nam.

4- Về đời sống tinh thần, để phác thảo bức tranh đời sống tinh thần của cư dân thời đại kim khí, các nhà khảo cổ học nước ta thường dựa vào hoa văn trang trí trên đồ gốm, đồ đồng, các hiện vật nghệ thuật, các loại đồ trang sức, cách thức mai táng của cư dân cổ. Đây là hướng tiếp cận khảo cổ học truyền thống. Sử dụng các phương pháp tiếp cận này, chúng tôi tổng hoà các yếu tố thông tin khai thác được trong diễn biến các giai đoạn và một môi trường sống thể hiện trong sự phân bố các di tích ở tỉnh Phú Thọ.

Phần lớn các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều thừa nhận người Phùng Nguyên ở Phú Thọ đã nhận thức được cái đẹp và biểu cảm cái đẹp ở trình độ cao. Tư duy về cái đẹp ở đây được thể hiện ở nghệ thuật tạo dáng công cụ lao động như những chiếc rìu, cái đục hình tứ giác nhỏ nhắn, trau chuốt, cân xứng hài hoà. Tư duy thẩm mỹ của người Phùng Nguyên được kết tinh ở nghệ thuật tạo dáng đồ trang sức bằng đá. Những vật đeo hình thú, hình đuôi cá, khuyên tai 4 mẫu; những vòng đeo có mặt cắt hình chữ "T", hình chữ "D", hình tam giác, hình chữ nhật... chế tạo tinh xảo, bằng đá ngọc nephrite với vân đẹp.

Không chỉ trên đồ đá, mà bằng chất liệu đất nung, người cổ Phùng Nguyên đã tạo ra những loại hình đồ gốm cân đối, hài hoà giữa miệng, thân và đế; giữa các đồ vật mang những chức năng khác nhau: bình, vò, nồi, bát, đĩa... Một trong những biểu hiện sinh động nhất về văn hoá tinh thần chính là các mô típ trang trí hoa văn trên đồ gốm mà người Phùng Nguyên đã gửi lại cho thế hệ hôm nay. Chỉ bằng những đường vạch chìm và in ấn những chấm nhỏ ở giữa, người Phùng Nguyên đã tạo ra các mô típ chữ "S" khác nhau: chữ "S" đơn, chữ "S" gói đầu nhau, móc vào nhau, có phần đệm tam

giác, có những vạch ngắn, đường tròn đồng tâm bổ trợ... Các mô típ ấy vừa uyển chuyển, thanh thoát, lại vừa chặt chẽ và sống động. Có lẽ những mô típ trang trí trên bát đồng là sự kết tinh đỉnh cao của nghệ thuật Phùng Nguyên. Nếu tư duy đối xứng qua các mô típ hoa văn đã thể hiện khá rõ từ giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên, thì sang giai đoạn Gò Mun tư duy này đã được nâng lên một bước, bằng những mô típ kết hợp giữa những đoạn gấp khúc với các chấm tròn. Nếu như người Phùng Nguyên thiên về các đường cong uốn lượn mềm mại bằng que nhiều răng, thì người Gò Mun tập trung trang trí ở miệng đồ gốm, nơi dễ nhận thấy nhất, với những đường cong, chấm tròn đắp nổi. Những mô típ đó được người Đông Sơn sau này kế thừa và đưa vào trang trí trên các đồ đồng của họ.

Sự có mặt một số tượng động vật trong văn hoá Phùng Nguyên như : tượng đầu gà ở Xóm Rền, tượng động vật bằng đất nung ở Đồng Sáu (Phú Thọ), tượng người ở Văn Điển (Hà Nội) và Tràng Kênh (Hải Phòng)... phần nào phản ánh cuộc sống tinh thần của người Phùng Nguyên. Sang giai đoạn sau, có tượng bò ở Đồng Đậu (Vĩnh Phúc), tượng đầu trâu ở Đình Tràng (Hà Nội). Đến giai đoạn Gò Mun, tượng người bằng đồng trong tư thế ngồi xổm, hai tay khoanh trước ngực, phản ánh nét dung dị, tự tin của cư dân nông nghiệp trên miền đất trung du.

Trong các di tích tiền Đông Sơn ở Phú Thọ rất hiếm thấy di tích mộ táng. Điều này khiến người ta nghĩ rằng, nơi đây mộ đặt ngoài nơi cư trú và coi đó như là một đặc điểm của giai đoạn tiền Đông Sơn ở Phú Thọ. Tuy nhiên, cũng đã gặp những mộ giai đoạn Phùng Nguyên muộn ở địa điểm thành Dền, tỉnh Vĩnh Phúc; mộ giai đoạn Gò Mun ở Gò Ghệ và địa điểm Đồng Đậu. Cư dân thời đó đã có những ý niệm về cõi sống và cõi chết. Một người đàn ông thuộc giai đoạn Phùng Nguyên khi chết được đặt cẩn thận, chôn theo vòng tay đặt ở bên phải; còn ở giai đoạn Đồng Đậu tìm thấy ở thành Dền có mộ đơn táng, mộ song táng (chôn 2 người) nhưng thi hài đều đặt nằm co, chôn theo rìu hoặc chạc góm. Tại địa điểm Gò Ghệ (Phú

Thọ) người ta đã tìm thấy mộ (không còn xương) của người giai đoạn Gò Mun, trong mộ chôn theo đồ gốm, đồ đồng như: rìu, giáo, lao, đục... Chôn nằm thẳng ở giai đoạn Phùng Nguyên; chôn nằm co ở giai đoạn Đông Đậu và chôn cải táng trong giai đoạn Gò Mun phải chăng là những tập tục mai táng khác nhau của những tộc người khác nhau hay ý niệm của một tộc người qua các giai đoạn phát triển khác nhau.

Dệt vải hay đan lát là sự liên kết các sợi ngang với sợi dọc mang tính quy luật. Nhận thức quy luật đó cũng có sự diễn tiến nhất định. Nếu như dệt vải có từ giai đoạn Phùng Nguyên qua Đông Đậu và đến Gò Mun, thì đan theo kiểu đan nong, nia, thúng mủng (nan to) dường như chỉ xuất hiện ở giai đoạn Đông Đậu. Trong nhiều di tích khảo cổ thời này, các nhà khảo cổ đã tìm thấy vết tích đan trên đáy đồ gốm, với các kiểu liên kết nan theo lóng mốt, lóng đôi đơn, lóng đôi kép và lóng nia. Đây là tư liệu quan trọng để tìm hiểu nghệ thuật đan lát, tư duy liên kết các sợi trong nghề đan của người Đông Đậu

Về quan hệ sản xuất, tổ chức xã hội của cư dân tiền Đông Sơn ở Phú Thọ hiện chưa có công trình nào đề cập đến, có chăng chỉ là một số dự đoán mang tính suy luận. Dựa vào nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa và chăn nuôi gia cầm có sự phát triển từ thấp đến cao, hoạt động luyện kim và đúc đồng từ manh nha đến việc chiếm lĩnh vị trí quan trọng trong sản xuất khiến người ta liên tưởng đến một xã hội có sự phân công lao động giữa các ngành nghề, một xã hội có tổ chức chặt chẽ, quy củ của một cộng đồng cư dân nông nghiệp. Cũng có ý kiến cho rằng, sự có mặt của tượng nam ở Gò Mun, cũng như tượng nam ở Văn Điển đã gợi ý về vai trò của người đàn ông lúc bấy giờ, có thể đó là xã hội ở vào thời kỳ phụ hệ.

Dựa vào sự biến động số lượng các di tích, quy mô di tích, đặc điểm tầng văn hoá và đặc trưng di vật đá, đồng và gốm trong thời đại kim khí ở Phú Thọ, chúng tôi cho rằng, kết cấu xã hội có sự biến động nhất định qua các mốc lớn. Nếu như giai đoạn mở đầu, ở Phú Thọ có sự cộng cư của hai thành phần cư dân khác nhau

trên một diện rộng, thì sang giai đoạn Đông Đậu bắt đầu thống nhất, tập trung để rồi đến giai đoạn Gò Mun phát triển mạnh mẽ theo hướng vừa thống nhất cao ở đặc trưng văn hoá, vừa mở rộng hơn về diện phân bố cư dân. Nhưng đến giai đoạn Đông Sơn lại có sự thống nhất trên một địa bàn hẹp, đồng thời có sự mở rộng ở nhiều địa hình khác nhau trên đất Phú Thọ.

5- Như vậy, sự phát triển tiếp nối giữa các giai đoạn văn hoá thời đại kim khí ở Phú Thọ được thể hiện qua những biến động về địa bàn cư trú, sự thay đổi về kỹ thuật chế tác đá, đồng và đồ gốm từ thấp đến cao và mang tính quy luật riêng ở một tiểu vùng địa lý đôi gò trung du như tỉnh Phú Thọ. Trên cơ tầng nông nghiệp trồng lúa và chăn nuôi gia cầm, sự phát triển các hoạt động thủ công, chế tác đồ đá, làm gốm, luyện kim và chế tác kim loại đồng thau, cùng các hoạt động dệt vải, đan lát... có thể giúp chúng ta phác thảo những đường nét cơ bản nhất về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân cổ ở đây./.

M.T.Q.H

Tài liệu tham khảo:

- 1- Hán Văn Khấn (2001), "Đồ gốm văn hoá Phùng Nguyên", *Tìm hiểu văn hoá Phùng Nguyên*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phú Thọ xuất bản, tr: 67 - 79.
- 2- Hà Văn Phụng (1996), *Văn hoá Gò Mun*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- 3- Hà Văn Tấn (1987), "Địa hình các di tích thời đại kim khí ở Việt Nam", *Tạp chí Khảo cổ học*, số 4, tr. 31 - 35.
- 4- Hà Văn Tấn (Chủ biên) (1999), *Khảo cổ học Việt Nam*, tập II, Thời đại kim khí Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 5- Trịnh Sinh (1977), Một kiểu chôn cất mới ở Gò Re (Vĩnh Phú), *NPHMVKCH năm 1978*, tr. 266 - 267.
- 6- Trịnh Sinh, Hà Nguyên Điểm (1979), "Kiểu dáng đồ đựng bằng gốm từ Phùng Nguyên đến Đông Sơn", *Tạp chí Khảo cổ học* số 2, tr. 20 - 28.
- 7- Nguyễn Khắc Sửu (2002), "Thử tìm hiểu dân số và dân cư thời văn hoá Đông Đậu", *Tham luận Hội nghị 40 năm phát hiện và nghiên cứu văn hoá Đông Đậu*, Viện Khảo cổ và Sở Văn hoá - Thông tin Vĩnh Phúc tổ chức tháng 5 năm 2002.